

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp  
giáo viên từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II  
tỉnh Quảng Ngãi năm 2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập, Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập và Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1435/SNV-CCVC ngày 26/7/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II tỉnh Quảng Ngãi năm 2019.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NC), KGVX, CBTH;
- Lưu VT, NC, Vi457.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**

**KẾ HOẠCH**

**Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV  
lên hạng III và từ hạng III lên hạng II tỉnh Quảng Ngãi năm 2019**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 08/8/2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:**

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;
- Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập, Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập và Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập *(sau đây gọi tắt là: Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-*

*BGD&ĐT-BNV; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV và Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV);*

- Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập (*sau đây gọi tắt là: Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT*);

- Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 3205/BNV-CCVC ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II của tỉnh Quảng Ngãi năm 2019.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Nhằm chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên phù hợp với vị trí việc làm và năng lực công tác của giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy cũng như tạo động lực để giáo viên phát huy được tiềm năng trong thực hiện nhiệm vụ được giao; đồng thời, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong việc bố trí giáo viên đúng vị trí công tác và nhu cầu công việc.

Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phải đảm bảo được các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp của hạng dự thi; đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng, chất lượng và đúng quy chế, quy định thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

## **III. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

## **IV. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ THI:**

Viên chức dự thi thăng hạng khi có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

1. Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi;

2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục gần nhất (*tính đến thời hạn nộp hồ sơ dự thi*); có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV và Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

4. Đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể như sau:

4.1. Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non:

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

4.2. Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học:

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng III lên hạng II thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

4.3. Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

4.4. Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

## **V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI:**

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên bao gồm:

1. Đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*theo mẫu*).

2. Bản sơ yếu lí lịch của viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012.

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (*theo mẫu*).

4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực (*Bằng tốt nghiệp chuyên môn, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên dự thi, ...*).

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ.

6. Bản phô tô Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm chính thức vào ngạch, Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp và Quyết định nâng lương gần nhất.

7. Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự thi (*như: Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi*) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV.

8. 01 ảnh 3x4 (*ghi rõ họ tên phía sau ảnh*).

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (*theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức*).

## **VI. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC THI**

1. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III phải dự thi các môn sau:

1.1. Môn kiến thức chung

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

b) Thời gian thi: 30 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, những vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục và giáo viên theo cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

1.2. Môn chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng III; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III; năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng III gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

### 1.3. Môn ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Ngoại ngữ dự thi: giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Ngoại ngữ dự thi là Ngoại ngữ đăng ký theo chứng chỉ Ngoại ngữ đã nộp trong hồ sơ. Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy.

### 1.4. Môn Tin học

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính

b) Thời gian: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

2. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II phải dự thi các môn sau:

#### 2.1. Môn thi kiến thức chung

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của Ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

#### 2.2. Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

### 2.3. Môn thi ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

đ) Ngoại ngữ dự thi: Giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Hình thức thi trắc nghiệm trên giấy. Ngoại ngữ dự thi là Ngoại ngữ đăng ký theo chứng chỉ Ngoại ngữ đã nộp trong hồ sơ. Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy.

### 2.4. Môn thi Tin học.

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

## **VII. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, MÔN TIN HỌC TRONG KỲ THI NÂNG NGẠCH**

1. Miễn thi ngoại ngữ đối với giáo viên dự thi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức thi thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

b) Giáo viên ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc ở các trường phổ thông dân tộc nội trú/bán trú, có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền.

c) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử



dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

d) Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

đ) ) Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*trương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu*) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III; Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*trương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu*) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng III lên hạng II.

f) Miễn thi ngoại ngữ đối với giáo viên có chứng nhận tiếng dân tộc thiểu số, giáo viên người dân tộc thiểu số hiện đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc ở các trường phổ thông dân tộc phổ thông dân tộc nội trú/bán trú.

2. Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn sử dụng thì việc miễn thi theo quy định tại khoản 1 Mục này được tính theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và giá trị thời hạn của chứng chỉ đó tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi.

Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ chưa có quy định thời hạn sử dụng thì giá trị của chứng chỉ được chấp nhận cho đến khi có sự thay đổi về quy định thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đó của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại khoản 1 Mục này phải là ngôn ngữ khác với ngoại ngữ đang giảng ở trình độ tương đương.

4. Miễn thi tin học đối với giáo viên dự thi đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên. Ngoài ra, miễn thi tin học đối với giáo viên tốt nghiệp trung cấp nghề tin học, trung cấp Tin học - Kế toán, tốt nghiệp trung cấp sư phạm trở lên đối với các ngành: Toán – Tin, Lý – Tin.

## **VIII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN**

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định; có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100. Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả bài thi trên máy vi tính.

2. Viên chức không trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Mục này không được bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

## **IX. KINH PHÍ**

1. Lệ phí thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mức thu cụ thể: 500.000 đồng/1 thí sinh.

2. Sở Nội vụ tổ chức việc thu phí dự thi, quản lý chi tiêu và thành quyết toán phí dự thi theo đúng quy định.

## **X. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM**

1. Thời gian: Trong quý III năm 2019.

2. Địa điểm: Thông báo cụ thể sau.

## **XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Mời Bộ Nội vụ**

Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2019.

### **2. UBND tỉnh Quảng Ngãi**

- Quyết định ban hành Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2019 từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II.

- Quyết định danh sách giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên;

- Quyết định thành lập Hội đồng thi thăng hạng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP để tổ chức kỳ thi theo quy định;

- Triển khai tổ chức thực hiện công tác thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo quy định;

- Công nhận kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo đề nghị của Hội đồng thi thăng hạng giáo viên tỉnh Quảng Ngãi.

### **3. Sở Nội vụ**

- Triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2019 từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức thi theo quy định.

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với Sở Nội vụ triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2019 từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II

### **5. Công an tỉnh**

Cử cán bộ tham gia bảo vệ kỳ thi.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II tỉnh Quảng Ngãi năm 2019. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố kịp thời phản ánh về Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.